TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2024
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Kim Thu;

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa****:* Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thị L**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Danh V, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị L trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Sau thời gian tự tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị L và anh V được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010, nhưng do không am hiểu pháp luật nên anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khi con được

khoảng 11 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Danh V có mối quan hệ khác bên ngoài, chị L có khuyên ngăn nhưng không có kết quả nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị có liên lạc với nhau nhưng chủ yếu là vì con cái, chứ không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên chị Thị L yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa chị và anh Danh V là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị L và anh Danh V có 1 người con chung tên Danh Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2010, từ khi sinh ra cho đến nay chị L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Danh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Thị L xác định quá trình chung sống với nhau, chị và anh Danh V không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại bản tự khai đề ngày 10/5/2024 bị đơn anh Danh V trình bày như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Danh V và chị Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là từ vấn đề kinh tế trong gia đình. Hiện tại anh và chị Thị L đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Nay chị Thị L yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì không còn tình cảm nữa.

- *Về con chung:* Anh và chị Thị L có 1 người con chung tên Danh Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2010, hiện con chung do chị L nuôi dưỡng, do đó anh V đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh không cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh sẽ lo cho con theo khả năng của mình.

- *Về tài sản và nợ chung:* Trong quá trình chung sống anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Danh V. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Danh V có nơi cư trú tại ấp Hòn Sóc, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên

Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Danh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị L và anh Danh V đều xác nhận rằng anh chị về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng do không am hiểu pháp luật, nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo định của pháp luật. Đây là các tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo chị L và anh V trình bày trong thời gian chung sống với nhau, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày trầm trọng và không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Trong thời gian chị L và anh V sống ly thân với nhau, thì giữa anh chị có liên lạc với nhau nhưng chủ yếu vì con chứ không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Thị L: Xét thấy, thời điểm chị L và anh V xác lập mối quan hệ hôn nhân, khi đó anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V đã vi phạm khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX thống nhất tuyên bố không công nhận chị Thị L và anh Danh V là vợ chồng.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị L và anh V xác định anh chị có một con người chung tên Danh Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2010. Ly hôn chị Thị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Danh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi chị L và anh V sống ly thân cho đến nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, cháu vẫn phát triển bình thường, hơn thế nữa, anh V cũng đồng ý giao con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, HĐXX giao cháu Danh Thị Thảo V cho chị Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, sự việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Thị L không yêu cầu anh Danh V phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị L và anh V xác định giữa anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung:* Chị L và anh V xác định giữa anh chị không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Thị L và anh Danh V là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Danh Thị Thảo V, sinh ngày 09/12/2010 cho chị Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Thị L nuôi con; anh Danh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Thị L và anh Danh V xác định giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001094 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Thị L không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Nam Thái Sơn, H. Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến